

Số: 02/2006/CT-UBND

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2006

CHỈ THỊ

Về việc triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo số 186-TB/TW ngày 01/6/2005 và Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.

Để triển khai thực hiện tốt chủ trương của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ thị:

1- Thủ trưởng của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt Thông báo của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Xác định rõ phạm vi đảm nhiệm và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện các chế độ, chính sách.

2- Thành lập Ban Chỉ đạo ở 2 cấp: tỉnh, huyện và thành lập Hội đồng chính sách ở xã, phường, thị trấn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC. Đồng thời thành lập Bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh và Tổ tư vấn của cấp huyện, để đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt chính sách đối với các đối tượng.

3- Các cơ quan chức năng cần tăng cường mối quan hệ phối hợp, phát huy tốt vai trò làm tham mưu trong lãnh đạo, chỉ đạo và đề cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

4- Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức tốt công tác tập huấn, triển khai cho đội ngũ cán bộ các cấp có liên quan, chú trọng cán bộ chuyên trách ở các cơ quan: Quân sự, Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội nắm vững quan điểm, đối tượng, cách tính hưởng chế độ, hồ sơ, thủ tục, quy trình thực hiện; xây dựng thái độ và trách nhiệm làm việc tận tình, chu đáo.

5- Các phương tiện thông tin đại chúng (Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang) và hệ thống chính trị nhất là ở cơ sở phải tổ chức tuyên truyền sâu rộng, làm cho nhân dân và đối tượng được hưởng chế độ chính sách hiểu đúng, nắm chắc ý nghĩa, nội dung chính sách, thủ tục hồ sơ cần làm đảm bảo cho việc thực hiện chính sách kịp thời, chặt chẽ, chính xác.

6- Từng cấp phải xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện; bảo đảm chặt chẽ, công khai, công bằng; đối tượng đủ hồ sơ xét duyệt trước, đối tượng chưa đủ hồ sơ xét duyệt sau; chỉ đạo tổ chức làm điểm rút kinh nghiệm. Tỉnh chọn huyện Tịnh Biên làm điểm. Mỗi huyện, thị xã, thành chọn 01 xã (phường, thị trấn) làm điểm chỉ đạo để triển khai thực hiện.

7- Thực hiện chi trả các chế độ công khai, nhanh gọn, chu đáo, chính xác, thanh quyết toán kịp thời theo quy định.

8- Thường xuyên nắm chắc tình hình triển khai thực hiện, kịp thời phát hiện, xử lý và đề đạt giải quyết những vấn đề vướng mắc; tổ chức tốt việc sơ, tổng kết, quản lý, lưu trữ hồ sơ. Biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; xử lý nghiêm những vi phạm trong quá trình thực hiện.

Nhận được Chỉ thị này, yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, địa phương căn cứ tình hình thực tế tổ chức thực hiện khẩn trương, nghiêm túc. Văn phòng UBND tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh theo quy định.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
 - TT.TU, HĐND, UBND tỉnh (để b/c);
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - UBND các huyện, thị, thành phố;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - P.VHXX, NC;
 - Lưu.
- (đính kèm QĐ số 290/2005/QĐ-TTg và TT số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC)

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in black ink]

Lê Minh Tùng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 290 /2005/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia
kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng
chính sách của Đảng và Nhà nước**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước như sau:

1. Đối tượng và chế độ áp dụng:

a) Quân nhân, công an nhân dân, công nhân, viên chức trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở các chiến trường B, C, K về gia đình từ ngày 31 tháng 12 năm 1976 trở về trước nhưng chưa được hưởng một trong các chế độ phục viên, xuất ngũ (bao gồm cả trợ cấp xuất ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ), chế độ thôi việc, chế độ bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng và chế độ hưu trí hàng tháng, nay được hưởng trợ cấp một lần theo số năm thực tế công tác, chiến đấu tại chiến trường cứ mỗi năm được hưởng 600.000 đồng. Mức chi trả trợ cấp một lần thấp nhất bằng 1.200.000 đồng.

06

b) Hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an tham gia chiến đấu ở các chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương, thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cán bộ dân chính Đảng hoạt động cách mạng ở các chiến trường B, C, K từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước không có thân nhân chủ yếu phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B, C, K nay được hưởng chế độ một lần theo số năm thực tế công tác, chiến đấu tại chiến trường, cứ mỗi năm thuộc diện hưởng lương ở chiến trường được hưởng 500.000 đồng. Mức chi trả chế độ một lần thấp nhất bằng 1.000.000 đồng.

c) Dân quân tập trung ở miền Bắc từ ngày 27 tháng 01 năm 1973 trở về trước, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật) từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước do cấp có thẩm quyền quản lý đã về gia đình, được hưởng trợ cấp một lần theo số năm thực tế tham gia dân quân, du kích tập trung, cứ mỗi năm được hưởng 400.000 đồng. Mức chi trả trợ cấp một lần thấp nhất bằng 800.000 đồng.

d) Quân nhân, công an nhân dân, công nhân, viên chức, thanh niên xung phong tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc và các đối tượng nêu tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế và khi từ trần được hưởng chế độ mai táng phí theo quy định pháp luật hiện hành về chính sách bảo hiểm xã hội.

đ) Trường hợp các đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này đã từ trần trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì một trong những người sau đây được hưởng chế độ một lần theo mức tương ứng quy định tại Quyết định này: vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp của người từ trần.

Khi tính thời gian thực hiện chế độ trợ cấp một lần, nếu có tháng lẻ thì đủ 6 tháng trở lên được tính tròn một năm, dưới 6 tháng được tính nửa năm.

2. Đối tượng không áp dụng:

a) Đối tượng quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này thuộc diện đang công tác, đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần khi về địa phương, đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, chế độ bệnh binh hàng tháng.

b) Những người thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này mà đầu hàng địch, phản bội, đào ngũ, người vi phạm kỷ luật bị tước danh hiệu quân nhân, danh hiệu công an nhân dân; tính đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà đang chấp hành án tù chung thân hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia mà chưa được xoá án tích.

Điều 2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, nếu chưa được khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ thì được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ quy định tại Quyết định này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4.

1. Việc xác nhận, xét duyệt đối tượng hưởng chế độ, chính sách nêu tại Quyết định này phải bảo đảm công khai, chặt chẽ, chính xác.

2. Những người có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 5.

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này; đồng thời chỉ đạo tổ chức thực hiện chế độ một lần đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng, dân quân, du kích tập trung và lực lượng mật thuộc phạm vi quản lý.

2. Các Bộ, ngành ở Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ một lần đối với các đối tượng: công an nhân dân, công nhân, viên chức, cán bộ dân chính Đảng, thanh niên xung phong và lực lượng mật thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân, viên chức, cán bộ dân chính Đảng và thanh niên xung phong đã về địa phương; chế độ bảo hiểm y tế và chế độ mai táng phí đối với các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

Trong phạm vi khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện hỗ trợ về vật chất, tinh thần đối

với những người tham gia kháng chiến chống Mỹ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Đã ký

Nguyễn Tấn Dũng

**BỘ QUỐC PHÒNG -
ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
- BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 191/2005/TTLT-BQP - BLĐT BXH - BTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2005

02.
8/11/05

Xuan

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước; sau khi có ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành: Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Ban Tổ chức Trung ương, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

**Phần I
ĐỐI TƯỢNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH**

I. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN, CÔNG AN NHÂN DÂN, CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC TRỰC TIẾP THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CHƯA HƯỞNG CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

1. Đối tượng và điều kiện.

1.1. Đối tượng áp dụng:

Quân nhân, công an nhân dân, cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước, công nhân viên chức quốc phòng, công an trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ ngày 20/7/1954 đến 30/4/1975, về gia đình từ ngày 31/12/1976 trở về trước, chưa được hưởng một trong các chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng và chế độ hưu trí hàng tháng.

1.2. Đối tượng không áp dụng:

- a) Những người đã về gia đình sau đó tiếp tục thoát ly mà thời gian tham gia kháng chiến đã được tính hưởng chế độ.
- b) Những người phản bội, đầu hàng địch, đào ngũ, người vi phạm kỷ luật

bị tước danh hiệu quân nhân, danh hiệu công an nhân dân.

Tính đến ngày Quyết định 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành mà người đang chấp hành án tù chung thân hoặc bị kết án một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia mà chưa được xoá án tích.

c) Người ra nước ngoài và ở lại nước ngoài bất hợp pháp.

d) Đối tượng đã từ trần nhưng không còn vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi.

2. Chế độ được hưởng.

2.1. Cách tính thời gian hưởng chế độ:

a) Thời gian được tính hưởng chế độ là thời gian công tác thực tế, bao gồm thời gian tham gia quân đội, công an, cán bộ dân chính đảng trong khoảng từ 20/7/1954 đến 31/12/1976.

b) Trường hợp có thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung sau đó phát triển thành bộ đội, công an, công nhân viên chức thì được tính cả thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung để tính hưởng chế độ.

c) Đối tượng có thời gian công tác thực tế nếu gián đoạn có lý do chính đáng thì được cộng dồn để hưởng chế độ.

d) Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ, nếu có tháng lẻ thì đủ 6 tháng trở lên được tính là một năm, dưới 6 tháng được tính là nửa năm (1/2 năm).

2.2. Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần:

a) Đối tượng có thời gian hưởng chế độ từ đủ 2 năm trở xuống, mức hưởng là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng).

b) Đối tượng có thời gian hưởng chế độ trên 2 năm, mức hưởng được tính theo công thức sau:

Mức hưởng = số năm được tính hưởng x 600.000 đ

Ví dụ 1: Ông APun cư trú ở tỉnh Kon Tum, nhập ngũ tháng 6/1968 thuộc đơn vị X, tháng 11/1975 tự về gia đình, chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Cách tính thời gian của ông APun để hưởng trợ cấp một lần như sau:

Từ tháng 6/1968 đến tháng 11/1975 bằng 7 năm 6 tháng (tính là 8 năm).
 - Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần của ông APun là:
 $8 \text{ năm} \times 600.000 \text{ đ} = 4.800.000 \text{ đồng.}$

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị H, quê Bến Tre, tháng 8/1962 tham gia cách mạng, công tác tại chính quyền cách mạng tỉnh Bến Tre; đến tháng 12/1968 bà H lâm bệnh và phải đi điều trị tại bệnh viện, sau khi khỏi bệnh tự về gia đình, không tiếp tục tham gia công tác trong chính quyền cách mạng, bà H chưa hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Cách tính thời gian của bà H để hưởng trợ cấp một lần như sau:
 Từ tháng 8/1962 đến tháng 12/1968 bằng 6 năm 5 tháng (tính là 6,5 năm).
 - Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần của bà H là:
 $6,5 \text{ năm} \times 600.000 \text{ đ} = 3.900.000 \text{ đồng.}$

II. CHẾ ĐỘ MỘT LẦN ĐỐI VỚI HẠ SĨ QUAN, CHIẾN SĨ QUÂN ĐỘI, CÔNG AN, THANH NIÊN XUNG PHONG HƯỞNG LƯƠNG, CÁN BỘ DÂN CHÍNH ĐẢNG THAM GIA CHIẾN ĐẤU, HOẠT ĐỘNG Ở CÁC CHIẾN TRƯỜNG B, C, K

1. Đối tượng và điều kiện.

1.1. Đối tượng áp dụng:

Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân, công an nhân dân tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương, thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cán bộ dân chính đảng hoạt động cách mạng ở các chiến trường B, C, K từ ngày 30/4/1975 trở về trước, không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B,C,K. Cụ thể là:

a) Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân, công an nhân dân (diện hưởng sinh hoạt phí) quá trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, công tác ở chiến trường phát triển thành người hưởng lương từ ngày 30/4/1975 trở về trước, bao gồm:

- Người được bổ nhiệm giữ chức từ trung đội phó trở lên;
- Người được đề bạt cấp bậc từ Chuẩn úy hoặc trung đội bậc phó trở lên;
- Người được chuyển thành quân nhân chuyên nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương công an nhân dân hoặc cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước, công nhân viên chức quốc phòng, công an hoặc cán bộ dân chính đảng ở miền Nam.

b) Thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được cử vào chiến trường B, C, K, hoặc khi đi chiến trường hưởng sinh hoạt phí sau đó trở thành người hưởng lương trong chiến trường từ ngày 30/4/1975 trở về trước.

c) Cán bộ dân chính đảng ở miền Nam thoát ly hoạt động cách mạng tại các chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975

do các tổ chức Đảng, chính quyền cách mạng từ cấp huyện (quận) trở lên quản lý.

1.2. Đối tượng không áp dụng:

a) Những người đã hưởng chế độ một lần theo qui định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP ngày 15/4/1999 của Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng, cán bộ được Đảng cử ở lại miền Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954; những người đã hưởng chế độ một lần theo quy định tại Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

b) Hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an, thanh niên xung phong, cán bộ dân chính đảng công tác, chiến đấu ở các chiến trường B, C, K thuộc đối tượng nêu trên nhưng có thân nhân chủ yếu (bố đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc.

c) Quân nhân, công an, thanh niên xung phong hoạt động ở chiến trường B, C, K nhưng hưởng sinh hoạt phí.

d) Các trường hợp tương tự nêu tại điểm b, c, d tiết 1.2 khoản 1, Mục I, Phần I Thông tư này.

2. Chế độ được hưởng.

2.1. Cách tính thời gian hưởng chế độ:

a) Thời gian được tính hưởng chế độ là thời gian thực tế công tác, chiến đấu thuộc diện hưởng lương tại chiến trường B, C, K trong khoảng từ 20/7/1954 đến 30/4/1975, cụ thể như sau:

- Đối với quân nhân, công an nhân dân, thời gian tính hưởng là thời gian được hưởng lương từ ngày 30/4/1975 trở về trước;
- Đối với thanh niên xung phong hưởng lương, thời gian tính hưởng kể từ khi đi chiến trường hoặc thời gian được hưởng lương đối với người khi đi chiến trường hưởng sinh hoạt phí từ ngày 30/4/1975 trở về trước;
- Đối với cán bộ dân chính đảng ở miền Nam, thời gian tính hưởng kể từ ngày thoát ly tham gia cách mạng trong khoảng từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975.

b) Người có thời gian chiến đấu, công tác hưởng lương tại các chiến trường khác nhau hoặc có thời gian hoạt động ở các lĩnh vực, cương vị khác nhau hoặc có thời gian gián đoạn thì được cộng dồn để tính hưởng chế độ.

c) Những người trong quá trình chiến đấu, công tác ở chiến trường B, C, K, trong thời kỳ hưởng lương nếu được tổ chức bố trí ra miền Bắc công tác, học tập, điều trị, điều dưỡng dưới 1 năm, sau đó trở lại chiến trường thì khoảng thời gian ở miền Bắc này vẫn được tính để hưởng chế độ một lần;

Nếu thời gian học tập, công tác, điều trị, điều dưỡng ở miền Bắc từ 1 năm (12 tháng) trở lên thì thời gian ở miền Bắc không được tính hưởng chế độ một lần.

d) Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ, nếu có tháng lẻ, được tính như quy định tại điểm d tiết 2.1 khoản 2, Mục I, Phần I Thông tư này.

2.2. Mức hưởng chế độ một lần:

a) Đối tượng có thời gian tính hưởng chế độ từ đủ 2 năm trở xuống, mức hưởng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

b) Đối tượng có thời gian tính hưởng chế độ trên 2 năm, mức hưởng được tính theo công thức sau:

Mức hưởng = số năm được tính hưởng x 500.000 đ

Ví dụ 3: Ông Huỳnh Văn A là hạ sĩ quan (hưởng sinh hoạt phí), tháng 6/1964 vào chiến trường; đến tháng 11/1968, ông A được quyết định là B bậc phó (hưởng lương); đến tháng 4/1974 ông A được ra Bắc điều dưỡng, tháng 10/1974 ông A trở lại chiến trường B cho đến 30/4/1975; không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc.

- Cách tính thời gian của ông A để hưởng chế độ một lần như sau:
Từ tháng 11/1968 đến tháng 4/1975, bằng 6 năm 6 tháng (tính là 7 năm).
- Mức hưởng chế độ một lần của ông A là:
 $7 \text{ năm} \times 500.000 \text{ đ} = 3.500.000 \text{ đồng.}$

Ví dụ 4: Bà Cao Thị B là cán bộ, công tác tại huyện uỷ huyện R từ tháng 11/1960, không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc; tháng 3/1971 bà B được ra miền Bắc học tập và không trở lại chiến trường.

- Cách tính thời gian của bà B để hưởng chế độ một lần như sau:
Từ tháng 11/1960 đến tháng 3/1971, bằng 10 năm 5 tháng (tính là 10, 5 năm).
- Mức hưởng chế độ một lần của bà B là:
 $10,5 \text{ năm} \times 500.000 \text{ đ} = 5.250.000 \text{ đồng.}$

Ví dụ 5: Bà Võ Thị C là người hưởng lương, tham gia thanh niên xung phong từ tháng 5/1968. Tháng 11/1973 được cử vào miền Nam phục vụ chiến đấu cho đến 30/4/1975; không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc.

- Cách tính thời gian của bà B để hưởng chế độ một lần như sau:
Từ tháng 11/1973 đến tháng 4/1975, bằng 1 năm 6 tháng.
- Mức hưởng chế độ một lần của bà C là: 1.000.000 đồng

14

III. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN ĐỐI VỚI DÂN QUÂN TẬP TRUNG Ở MIỀN BẮC, DU KÍCH TẬP TRUNG Ở MIỀN NAM (BAO GỒM CẢ LỰC LƯỢNG MẬT) ĐÃ VỀ GIA ĐÌNH

1. Đối tượng và điều kiện.

1.1. Đối tượng áp dụng:

a) Dân quân ở miền Bắc được tổ chức thành đơn vị tập trung, thường xuyên, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu do cấp huyện, tỉnh tổ chức, quản lý hoặc giao cho cấp xã quản lý nhưng được tổ chức theo yêu cầu tác chiến của huyện, tỉnh trong khoảng thời gian từ tháng 8/1964 đến tháng 01/1973.

b) Du kích ở miền Nam được tổ chức thành đơn vị tập trung, thường xuyên làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, công tác do cấp uỷ đảng xã, liên xã trở lên tổ chức, quản lý (bao gồm cả du kích mật) trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến tháng 4/1975.

c) Lực lượng mật do các tổ chức đảng, quân sự, công an có thẩm quyền tổ chức, giao nhiệm vụ hoạt động trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến tháng 4/1975 ở chiến trường B, C, K.

Đối tượng tại điểm a, b, c nêu trên chưa được hưởng chế độ trợ cấp một lần gắn với thời gian phục vụ.

1.2. Đối tượng không áp dụng:

a) Dân quân tập trung ở miền Bắc tham gia từ sau ngày 27/01/1973, du kích tập trung ở miền Nam tham gia sau ngày 30/4/1975.

b) Đối tượng tại tiết 1.1, khoản 1, Mục III nêu trên tiếp tục công tác, sau đó phát triển thành quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức, công nhân viên chức quốc phòng, công an hoặc cán bộ dân chính đảng hiện đang công tác có tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đang hưởng các chế độ hưu trí hàng tháng, chế độ mất sức lao động hàng tháng, chế độ bệnh binh hoặc thời gian tham gia dân quân, du kích (hoặc hoạt động mật) đã được tính hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

c) Dân quân, du kích không được tổ chức tập trung và không thường xuyên làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, công tác.

d) Các trường hợp tương tự nêu tại điểm b, c, d tiết 1.2 khoản 1, Mục I, Phần I Thông tư này.

2. Chế độ được hưởng.

2.1. Cách tính thời gian hưởng chế độ:

a) Thời gian được tính hưởng chế độ là tổng thời gian thực tế tham gia dân quân, du kích tập trung cho đến khi giải thể về gia đình.

b) Quá trình tham gia dân quân, du kích tập trung nếu có thời gian gián đoạn hoặc tham gia nhiều đợt khác nhau thì được cộng dồn để tính thời gian hưởng chế độ.

c) Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ, nếu có tháng lẻ, được tính như quy định tại điểm d tiết 2.1 khoản 2, Mục I, Phần I Thông tư này.

2.1. Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần:

a) Đối tượng có thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung từ đủ 2 năm trở xuống, mức hưởng là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng).

b) Đối tượng có thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung trên 2 năm, mức hưởng được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức hưởng} = \text{số năm được tính hưởng} \times 400.000 \text{ đ}$$

Ví dụ 6: Bà Nguyễn Thị N là dân quân tập trung, được huyện T tổ chức làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ mục tiêu H trong khoảng thời gian chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc như sau:

Đợt 1, từ tháng 8/1964 đến tháng 11/1965.

Đợt 2, từ tháng 5/1968 đến tháng 11/1968.

Đợt 3, từ tháng 8/1972 đến tháng 11/1973.

- Cách tính thời gian của bà N để hưởng chế độ một lần như sau:

Thời gian của 3 đợt tham gia dân quân tập trung là: 1 năm 4 tháng + 7 tháng + 1 năm 4 tháng = 3 năm 3 tháng (tính là 3,5 năm).

- Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần của bà N:

$$3,5 \text{ năm} \times 400.000 \text{ đ} = 1.400.000 \text{ đồng.}$$

Ví dụ 7: Ông Lương Văn Y là du kích tập trung, được Đảng uỷ liên xã quản lý, làm nhiệm vụ chiến đấu, công tác ở miền Nam như sau:

Lần 1, từ tháng 11/1965 đến 3/1968.

Lần 2, từ tháng 3/1974 đến tháng 4/1975.

- Cách tính thời gian của ông Y để hưởng chế độ một lần như sau:

Thời gian của 2 lần tham gia du kích tập trung là: 2 năm 5 tháng + 1 năm 2 tháng = 3 năm 7 tháng (tính là 4 năm).

- Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần của ông Y:

$$4 \text{ năm} \times 400.000 \text{ đ} = 1.600.000 \text{ đồng.}$$

IV. CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ

1. Chế độ bảo hiểm y tế.

1.1. Đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, bao gồm: quân nhân, công an nhân dân, cán bộ, công nhân viên chức, công nhân viên chức quốc phòng, công an, cán bộ dân chính đảng, thanh niên xung phong, dân quân, du kích tập trung, người nghỉ việc hưởng chế độ mất sức lao động nếu không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc quy định tại Nghị định số 63/2005/NĐ-CP ngày 16/5/2005 của Chính phủ, được Nhà nước mua bảo hiểm y tế với mệnh giá bằng 3% lương tối thiểu.

1.2. Quyền lợi của người được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thực hiện theo qui định hiện hành.

2. Chế độ mai táng phí.

2.1. Đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, bao gồm: quân nhân, công an nhân dân, cán bộ, công nhân viên chức, công nhân viên chức quốc phòng, công an, cán bộ dân chính đảng, thanh niên xung phong, dân quân, du kích tập trung, người nghỉ việc hưởng chế độ mất sức lao động, khi từ trần nếu không thuộc đối tượng hưởng chế độ mai táng phí theo quy định pháp luật hiện hành về bảo hiểm xã hội và chính sách người có công thì người hoặc tổ chức lo mai táng được nhận tiền mai táng phí.

2.2. Mức trợ cấp tiền mai táng phí được thực hiện như các đối tượng tham gia BHXH bắt buộc do Chính phủ qui định tại thời điểm đối tượng từ trần.

2.3. Trường hợp đối tượng từ trần từ ngày Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nếu chưa được hưởng chế độ mai táng phí thì người hoặc tổ chức lo mai táng cho đối tượng được hưởng theo quy định tại Thông tư này.

V. QUY ĐỊNH VỀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 290/2005/QĐ-TTg NGÀY 08/11/2005 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Kinh phí chi trả chế độ một lần do ngân sách Trung ương đảm bảo;

2. Kinh phí chi trả chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí do ngân sách địa phương đảm bảo. Do năm 2006 thuộc thời kỳ ổn định ngân sách địa phương 2004 - 2006 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2006 giao cho các địa phương chưa có khoản chi này nên ngân sách Trung ương sẽ bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong quá trình thực hiện. Từ năm 2007, khoản chi này sẽ được tính toán trong nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

Riêng đối với đối tượng quy định tại Mục II, Phần I Thông tư này ngoài bản khai (2A hoặc 2B) phải có bản trích sao qua trình công tác được hướng chế độ có xác nhận của cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch (mẫu 2C) và bản sao của Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cư trú.

- Bản sao một trong các giấy tờ gốc hoặc các giấy tờ có liên quan theo quy định tại tiết 1.1, khoản 1, Mục này, có công chứng Nhà nước hoặc chứng thực cư trú (mẫu 04).

Bản khai của thân nhân phải kèm theo giấy uỷ quyền của các thân nhân chủ yếu khác, có sự xác nhận của chính quyền xã (phường) nơi người uỷ quyền

- Bản khai cá nhân (1A, 2A, 3A) hoặc của thân nhân (1B, 2B, 3B).
Hồ sơ được lập thành 02 bộ, mỗi bộ gồm có:

1.2. Hồ sơ xét duyệt, tham định đối với đối tượng đã về gia đình hương chế độ trợ cấp một lần được quy định như sau:

- Các giấy tờ chứng nhận có liên quan khác.
- Hồ sơ hương chế độ người có công, hương BHHH một lần.
- Phiếu chuyển thông, chuyên viên, phiếu sức khoẻ...
- Huan, huy chương kháng chiến và các hình thức khen thưởng khác.

điều động; giao nhiệm vụ...
- Quyết định nhập ngũ; tuyên dùng, bổ nhiệm, phong, thăng quân hàm; Nhà nước, công nhân viên chức quốc phòng, công an, như: Xung phong, cán bộ dân chính đảng, dân quân, du kích, công nhân viên chức Các giấy tờ có thể chứng minh là quân nhân, công an nhân dân, thanh niên b) Giấy tờ liên quan:

- Lý lịch Đảng viên (nếu là đảng viên).
- Lý lịch cán bộ, bản trích 63, lý lịch quản nhân (nếu có).
- Hồ sơ phục viên, xuất ngũ, thời việc, hồ sơ hương chế độ bệnh binh hoặc định tại Mục II, Phần I Thông tư này).

1.1. Các giấy tờ làm căn cứ xét duyệt:

1. Hồ sơ xét hương chế độ một lần (Đối với đối tượng quy định tại Mục I, Mục II, Mục III Phần I Thông tư này).

**HỒ SƠ, THU TÚC HƯƠNG CHẾ ĐỘ
Phần II**

3. Kinh phí cho công tác chi trả chế độ một lần đối với đối tượng quy định tại Mục II (B, C, K) bằng 3%, chế độ trợ cấp một lần cho các đối tượng quy định tại Mục I, Mục III bằng 4% trên tổng kinh phí chi trả chế độ một lần của đối tượng. Kinh phí cho công tác quản lý, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí thực hiện theo quy định hiện hành về bảo hiểm xã hội.

18
(phôtocopy) toàn bộ quá trình công tác của cá nhân đối tượng do cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch cung cấp và xác nhận.

- Biên bản xem xét và xác nhận đối tượng của hội nghị liên tịch thôn, xóm, tổ dân phố, ấp...(mẫu 05).

- Biên bản xét và xác nhận của Hội nghị BCH Hội Cựu chiến binh xã, phường (mẫu 06).

- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (phường) (mẫu 7A).

- Công văn đề nghị (mẫu 8A) kèm danh sách đối tượng được hưởng chế độ một lần:

- + Đối tượng chưa được hưởng chế độ, chính sách (mẫu 9A).

- + Đối tượng B, C, K (mẫu 9B).

- + Đối tượng dân quân, du kích tập trung (mẫu 9C).

- Quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần (mẫu 10A).

1.3. Hồ sơ xét duyệt hưởng chế độ một lần đối với đối tượng quy định tại Mục II, Phần I Thông tư này, đang công tác, được lập thành 02 bộ như sau:

- Bản khai cá nhân có chứng nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác (mẫu 2A).

- Bản trích sao quá trình công tác của đối tượng được hưởng chế độ có xác nhận của cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch (mẫu 2C).

- Bản sao (phôtocopy) toàn bộ quá trình công tác của cá nhân đối tượng do cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch cung cấp và xác nhận.

- Công văn đề nghị (mẫu 7A) kèm theo danh sách đối tượng hưởng chế độ của cơ quan, đơn vị từ cấp quản lý đối tượng đến cấp ra quyết định hưởng chế độ cho đối tượng (mẫu 9B).

- Quyết định hưởng chế độ một lần (mẫu 10A).

2. Hồ sơ xét hưởng chế độ bảo hiểm y tế và chế độ mai táng phí.

2.1. Hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm y tế được lập thành 02 bộ như sau:

- Đơn đề nghị của đối tượng có xác nhận của chính quyền địa phương xã (phường) nơi cư trú.

- Bản trích sao danh sách đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/TTg ngày 08/11/2005 hoặc bản sao một trong các quyết định được hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc...), trường hợp đối tượng không còn các quyết định trợ cấp một lần thì làm bản khai nêu rõ quá trình tham gia kháng chiến chống Mỹ và công tác, được Hội đồng chính sách xã xem xét đề nghị.

- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi đối tượng cư trú (mẫu 7B)

- Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện (quận) (mẫu 8B) kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ BHYT (mẫu 9D).

- Danh sách tổng hợp của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố (mẫu 9D).

- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (thành phố) hưởng chế độ BHYT (mẫu 10B).

2.2. Hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí được lập thành 02 bộ như sau:

- Đơn đề nghị của thân nhân đối tượng có xác nhận của chính quyền địa phương xã (phường) nơi cư trú.
- Giấy chứng tử.
- Công văn đề nghị của UBND xã (phường) nơi đối tượng cư trú (mẫu 7C).
- Bản trích sao danh sách đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/TTg ngày 08/11/2005 hoặc bản sao một trong các quyết định được hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc; trợ cấp một lần) hoặc bản sao quyết định hưởng chế độ BHYT theo qui định tại Thông tư này.
- Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận) (mẫu 8C), kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ mai táng phí (mẫu 9E).
- Danh sách tổng hợp của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố (mẫu 9E).
- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) hưởng chế độ mai táng phí (mẫu 10C).

Phần III

TRÁCH NHIỆM VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

1. Trách nhiệm và trình tự thực hiện của cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt, chi trả chế độ một lần đối với các đối tượng đã về gia đình.

1.1. Trách nhiệm của đối tượng và thân nhân đối tượng:

- a) Làm bản khai theo mẫu quy định.
- b) Nộp 2 bộ hồ sơ gồm: bản khai và các giấy tờ gốc hoặc giấy tờ được coi là giấy tờ gốc; giấy tờ có liên quan (nếu có) cho Ủy ban nhân dân xã (phường).
- c) Bảo đảm tính trung thực của bản khai, các giấy tờ cá nhân và chịu trách nhiệm pháp lý khi có hành vi vi phạm pháp luật.

1.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã (phường):

- a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân và đối tượng về nội dung chế độ, chính sách; tổ chức thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, chặt chẽ, chính xác, đúng đối tượng ở địa phương.
- b) Thành lập Hội đồng chính sách xã (phường) do Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm chủ tịch Hội đồng, cán bộ quân sự, công an, lao động - thương binh và xã hội làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Ban hưu trí; mời đại diện cán bộ nguyên phụ trách cấp ủy, cơ quan quân sự của địa phương thời kỳ chống Mỹ cứu nước, đại diện Ban liên lạc dân quân, du kích tập trung, thanh

niên xung phong... để giúp Ủy ban nhân dân xã (phường) tổ chức xét duyệt theo quy định tại Thông tư này.

c) Tiếp nhận hồ sơ của đối tượng đề nghị hưởng chế độ. Tiến hành phân loại hồ sơ từng loại đối tượng của các thôn theo ba nhóm: nhóm có giấy tờ gốc; nhóm có giấy tờ liên quan và nhóm không có giấy tờ. Triển khai xét duyệt theo 3 bước:

- Bước 1: Xét duyệt cho nhóm đối tượng có giấy tờ gốc.
- Bước 2: Xét duyệt cho nhóm đối tượng có giấy tờ liên quan.
- Bước 3: Xét duyệt cho nhóm đối tượng không có giấy tờ gì.

d) Chỉ đạo Trưởng thôn tổ chức hội nghị tập thể để xem xét, xác nhận và đề nghị chế độ một lần cho từng nhóm đối tượng.

Thành phần Hội nghị liên tịch thôn gồm:

- Trưởng thôn, Bí thư chi bộ.
- Đại diện Chi hội Cựu Chiến binh, Chi hội người cao tuổi.
- Đại diện cán bộ nguyên là cấp uỷ thôn, cán bộ lão thành, người cao tuổi hoạt động ở địa phương thời kỳ chống Mỹ cứu nước.
- Thành phần khác (nếu xét thấy cần thiết).

Khi xét duyệt cho nhóm đối tượng sau, từng thôn mời đại diện đối tượng đã được xét đề nghị hưởng chế độ đợt trước tham dự họp.

Cấp xã (phường) chỉ tổ chức xét duyệt cho đối tượng nhóm sau, khi cấp huyện (quận) đã thông báo kết quả xét hưởng đối tượng nhóm trước của địa phương mình và mời đại diện đối tượng đã được xét hưởng của nhóm trước dự họp.

đ) Tổng hợp danh sách và hồ sơ đối tượng do các Trưởng thôn báo cáo; đề nghị Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh họp xem xét, xác nhận đối tượng (bao gồm cả đối tượng khác quê quán nhưng cứ trú ổn định tại địa phương, có thể xác định được thời gian công tác tính hưởng chế độ).

e) Tổ chức hội nghị Hội đồng chính sách công khai xét duyệt đối với các đối tượng do các thôn báo cáo và Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh đã cho ý kiến bằng văn bản (cơ quan quân sự, công an, thương binh xã hội tổng hợp danh sách theo phạm vi phân công và báo cáo).

Đối với đối tượng không có giấy tờ gốc hoặc không có giấy tờ được coi là giấy tờ gốc, Hội đồng chính sách có trách nhiệm thẩm tra, xác minh quá trình công tác, thời gian về địa phương trước khi lập văn bản xác nhận (mẫu số 7A).

g) Niêm yết danh sách đối tượng đã được xét duyệt (đối tượng được hưởng; mức hưởng của từng người ...) tại các thôn, ấp; tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và công bố trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để lấy ý kiến của nhân dân.

h) Sau 15 ngày, nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã (phường) tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân

huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là huyện, quận):

- Qua Ban chỉ huy quân sự huyện (quận) đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền Bộ Quốc phòng giải quyết, bao gồm: quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, dân quân, du kích tập trung, lực lượng mật quốc phòng;

- Qua Công an huyện (quận) đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền Bộ Công an giải quyết, bao gồm: công an nhân dân, công nhân viên chức công an, lực lượng mật công an;

- Qua Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội huyện (quận) đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết bao gồm: cán bộ, công nhân viên chức, cán bộ dân chính đảng, thanh niên xung phong.

i) Tổ chức xác nhận theo đề nghị của đối tượng hiện nay cư trú ở địa phương khác để hưởng chế độ (quy trình xét duyệt và hồ sơ thực hiện như đối tượng không còn giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc ở địa phương). Trong thời gian 45 ngày phải chuyển hồ sơ đã xét duyệt hoặc trả lời đối tượng theo đề nghị.

k) Tiến hành xác minh, tổng hợp báo cáo các trường hợp chưa rõ đối tượng, thời gian được tính hưởng chế độ hoặc các trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết đang có khiếu nại, tố cáo.

Đối với lực lượng mật lập danh sách riêng nêu rõ từng trường hợp đã xác định được và những trường hợp chưa xác định được đề nghị trên xác minh, kết luận.

l) Theo dõi việc nhận, tổ chức chi trả công khai chế độ của đối tượng; thông báo kết quả trên các phương tiện thông tin của địa phương.

1.3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện (quận):

a) Chỉ đạo các xã, phường và các cơ quan chức năng có liên quan tuyên truyền, phổ biến chế độ quy định cho mọi đối tượng tại địa phương.

b) Thành lập Ban chỉ đạo do Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện (quận) làm Trưởng ban, cơ quan quân sự, công an, Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Ban tổ chức huyện (quận) uỷ, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan Bảo hiểm xã hội, Tài chính, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi; mời đại diện cán bộ nguyên là cấp uỷ, chính quyền và thủ trưởng cơ quan quân sự hoạt động ở địa phương thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Từng huyện (quận) có thể thành lập tổ tư vấn với sự tham gia của Ban liên

22
lạc dân quân, du kích tập trung, thanh niên xung phong và những người công tác cùng thời gian ở địa phương để giúp Ban chỉ đạo quyết định các chủ trương, kế hoạch và biện pháp thực hiện.

c) Tổ chức tập huấn cho các cơ quan chức năng của huyện, quận và lãnh đạo chính quyền, cán bộ chuyên môn ở các xã, phường và một số đại biểu tham gia trong các hội đồng chính sách về nội dung chế độ, biện pháp và quy trình tổ chức thực hiện ở địa phương.

d) Chỉ đạo các ngành chuyên môn xét duyệt, tổng hợp, báo cáo trên theo quy định:

- Ban chỉ huy quân sự huyện (quận) phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt thẩm định, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố) các đối tượng thuộc thẩm quyền Bộ Quốc phòng giải quyết.

- Công an huyện (quận) phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt thẩm định, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (qua Công an tỉnh, thành phố) các đối tượng thuộc thẩm quyền Bộ Công an giải quyết.

- Phòng Nội vụ-Lao động-Thương binh và Xã hội huyện (quận) phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt thẩm định (lưu giữ 01 bộ hồ sơ của đối tượng), tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố) các đối tượng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) giải quyết.

Đối với lực lượng mật và đối tượng tham gia chiến đấu ở chiến trường B, C, K tự về gia đình chưa được hưởng chế độ, chính sách, quê từ huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị trở ra mà không thuộc dân tộc ít người, cơ quan chức năng tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận từng trường hợp cụ thể trước khi xét duyệt, tổng hợp trong phạm vi, thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm d nêu trên.

đ) Chỉ đạo tiến hành chi trả chế độ cho đối tượng bảo đảm kịp thời, công khai, chặt chẽ, chính xác.

e) Kiểm tra việc thực hiện ở địa phương và chủ trì giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương cơ sở.

1.4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tuyên truyền, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện chế độ quy định cho mọi đối tượng tại địa phương.

b) Thành lập Ban chỉ đạo do Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) làm Trưởng ban, cơ quan quân sự, công an, Lao động-Thương binh và Xã hội làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Ban tổ chức tỉnh (thành) uỷ, Nội vụ, Mặt trận tổ quốc, cơ quan Bảo hiểm xã hội, Tài chính, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi; mời đại diện cán bộ nguyên là cấp uỷ, chính quyền và thủ trưởng cơ quan quân sự thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Từng địa phương có thể thành lập bộ phận giúp việc với sự tham gia của Ban liên lạc dân quân, du kích tập trung, thanh niên xung phong, những người công tác cùng thời gian ở địa phương để giúp Ban chỉ đạo quyết định các chủ trương, kế hoạch và biện pháp thực hiện.

c) Chỉ đạo, chủ trì tổ chức tập huấn cho các Ban, ngành chức năng có liên quan và lãnh đạo chính quyền, các cơ quan chức năng của các huyện (quận)

d) Chỉ đạo các ngành chức năng xét duyệt, tổng hợp, báo cáo theo quy định:

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố) phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt (lưu giữ 01 bộ hồ sơ của đối tượng), tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng và ngân sách chi trả báo cáo quân khu (qua Cục Chính trị) các đối tượng thuộc thẩm quyền Bộ Quốc phòng giải quyết.

- Công an tỉnh (thành phố) phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt thẩm định (lưu giữ 01 bộ hồ sơ của đối tượng), tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng và ngân sách chi trả báo cáo lên Bộ Công an (qua Tổng cục xây dựng lực lượng) các đối tượng thuộc thẩm quyền Bộ Công an giải quyết.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (thành phố) phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt thẩm định (lưu giữ 01 bộ hồ sơ của đối tượng), tổng hợp danh sách báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).

đ) Ra quyết định hưởng chế độ một lần đối với các đối tượng là cán bộ, công nhân viên chức, dân chính đảng, thanh niên xung phong thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết.

e) Tổng hợp danh sách và ngân sách đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí, chỉ đạo chi trả chế độ cho đối tượng và thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

g) Chủ trì giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương.

1.5. Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh các quân khu:

a) Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện chế độ quy định cho các đối tượng trên địa bàn quân khu.

211

b) Thành lập Ban chỉ đạo do một đồng chí Phó Tư lệnh Quân khu làm Trưởng ban, Thủ trưởng cơ quan Chính trị làm Phó ban thường trực và các thành viên gồm: cơ quan Chính sách, Tài chính, Cán bộ, Quân lực, Dân quân Tự vệ, Tư tưởng – Văn hoá, Văn phòng và các cơ quan có liên quan.

c) Tổ chức tập huấn cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền về chế độ, chính sách theo quy định và kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện trong địa bàn quân khu.

d) Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt, tổng hợp danh sách báo cáo Bộ (qua Cục Chính sách) để thẩm định, tổng hợp.

đ) Ra quyết định hưởng; báo cáo Bộ: Quyết định kèm theo danh sách (qua Cục Chính sách và Cục Tài chính) để tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí.

e) Chỉ đạo chi trả chế độ cho đối tượng thuộc phạm vi đảm nhiệm và thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

g) Lưu giữ hồ sơ đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết.

h) Chủ trì kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh ở các cơ quan, đơn vị thuộc quân khu quản lý.

2. Trách nhiệm và trình tự thực hiện của cá nhân, cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt, chi trả chế độ một lần đối với các đối tượng đang công tác quy định tại Mục II, phần I Thông tư này.

2.1. Trách nhiệm của đối tượng:

a) Làm bản khai, có chứng nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác theo mẫu quy định.

b) Nộp bản khai và các bản trích sao hồ sơ, lý lịch; bản photôcopy quá trình công tác do cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch cung cấp và xác nhận cho các cơ quan được giao nhiệm vụ xét duyệt, tổng hợp.

c) Bảo đảm tính trung thực của bản khai, các giấy tờ cá nhân và chịu trách nhiệm pháp lý khi có hành vi vi phạm pháp luật.

2.2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương:

Căn cứ thực tế tình hình đối tượng được hưởng, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chức năng theo phân cấp quản lý cán bộ, lập hồ sơ, xét duyệt đồng thời ra quyết định hưởng chế độ cho đối tượng trong phạm vi quản lý. Quy trình trách nhiệm, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Mục III Thông tư số 17/1999/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BTCCBCP ngày 21/7/1999, hướng dẫn thực hiện Nghị định 23/1999/NĐ-CP ngày 15/4/1999 của Chính phủ.

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Quốc phòng:

- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn việc thực hiện trong toàn quốc.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với các cơ quan, chính quyền các cấp quán triệt, triển khai; chỉ đạo xét duyệt, tổ chức thẩm định, hướng dẫn việc chi trả và kiểm tra việc thực hiện chế độ một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, dân quân, du kích tập trung (bao gồm cả du kích mật) và lực lượng mật thuộc phạm vi quản lý và thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

2. Bộ Công an:

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị công an phối hợp với các cơ quan, chính quyền các cấp quán triệt, triển khai; chỉ đạo, tổ chức xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ một lần cho sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân, công nhân viên chức công an, lực lượng mật do Bộ Công an quản lý và thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chỉ đạo hệ thống ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương xét duyệt, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ra quyết định hưởng chế độ một lần, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí và chế độ hỗ trợ vật chất, tinh thần đối với các đối tượng theo quy định.

4. Bộ Tài chính:

Căn cứ vào kết quả xét duyệt hưởng chế độ đối với các đối tượng của các Bộ, Ban, ngành, các tỉnh (thành phố), có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để chi trả cho đối tượng được hưởng chế độ một lần, bảo hiểm y tế, mai táng phí và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

5. Trung ương Hội Cựu Chiến binh:

Chỉ đạo hội cựu chiến binh các cấp phối hợp với các cơ quan, đoàn thể địa phương rà soát phát hiện đối tượng, tham gia xét duyệt, xác nhận các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Thông tư này.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) trực thuộc Trung ương:

Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ một lần đối với các đối tượng theo quy định tại Phần III Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

6.1. Chỉ đạo ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các huyện (quận) xét duyệt, tổng hợp, lập danh sách đối tượng được hưởng chế độ

26

bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí trên địa bàn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ra quyết định về việc thực hiện chế độ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư này.

6.2. Chỉ đạo các ban, ngành địa phương rà soát, xem xét, thực hiện hỗ trợ về vật chất, tinh thần đối với những người tham gia kháng chiến chống Mỹ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

7. Những người có hành vi khai man, hoặc làm sai lệch, giả mạo hồ sơ, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

8. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Liên Bộ để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Tá



Bùi Hồng Lĩnh



Thượng tướng
Nguyễn Văn Rinh

Nơi nhận:

- Thủ tướng; các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo của VPCP;
- Các đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;
- Lưu VP BQP, VP BLĐTBXH, VP BTC.